LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển kinh tế luôn là mục tiêu hàng đầu của mỗi quốc gia. Để thúc đẩy quá trình phát triển kinhtế của đất nước, Việt Nam chúng ta cần phải có môi trường đầu tư thuận lợi và cơ chế chính sách sao cho phù hợp, rõ ràng và ổn định. Đáp ứng mục tiêu đó, Luật thuế giá trị gia tăng(GTGT) đã được quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá IX thông qua tại kỳ họp thứ 11 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999 thay thế cho Luật thuế Doanh thu.Qua 7 năm thực hiện, Luật thuế GTGT về cơ bản đã phát huy được các mặt tích cực đối với đời sống kinh tế xã hội, góp phần khuyến khích đầu tư, ổn định sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trình độ quản lý của ngành thuế…

Trải qua thực tiễn áp dụng thuế GTGT cũng nảy sinh nhiều khó khăn vướng mắc cần giải quyết như : vấn đề hoá đơn, khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT...Tuy đã được sửa đổi bổ sung và giải quyết được phần nào những vướng mắc trên song so với nhiệm vụ và yêu cầu phát triển kinh tế hiện nay thì Luật thuế GTGT vẫn còn một số khiếm khuyết cần nghiên cứu giải quyết để Luật thuế GTGT ngày càng hoàn thiện và phù hợp với tình hình kinh tế nước ta.

Nhận thức được tầm quan trọng của thuế GTGT, với vốn kiến thức đã được trang bị ở trường học cùng với quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Thương Mại – Vận Tải – Du Lịch em đã chọn đề tài "**Thuế GTGT và việc thực hiện Luật thuế GTGT ở công ty TNHH Thương Mại – Vân tải – Du Lịch**" làm đề tài luận văn của mình.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm 3 phần :

Phần 1 : Một số vấn đề chung về thuế và thuế GTGT.

Phần 2 : Tình hình thực hiện Luật thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại – Vận Tải – Du Lịch.

Phần 3 : Một số kiến nghị và giải pháp hoàn thiện việc thi hành Luật thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại – Vận tải – Du Lịch.

PHẦN 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THUẾ VÀ THUẾ GTGT

I.KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THUẾ :

1. Khái quát về Thuế :

Thuế là một phạm trù kinh tế xuất hiện, tồn tại và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của nhà nước. Sự xuất hiện của nhà nước đòi hỏi phải có cơ sở vật chất để đảm bảo điều kiện cho nhà nước tồn tại và thực hiện chức năng của mình. Như vậy, thuế ra đời là một tất yếu khách quan xuất phát từ nhu cầu đáp ứng chức năng của nhà nước. Nhà nước sử dụng thuế như một công cụ quan trọng để điều tiết vĩ mô nền kinh tế, thuế không những là nguồn thu quan trọng chủ yếu của ngân sách nhà nước(NSNN) mà còn có ảnh hưởng to lớn đến công cuộc phát triển kinh tế.

Do đó, thuế là khoản đóng góp mang tính bắt buộc gắn liền với quyền lực chính trị của nhà nước bằng các sắc lệnh do nhà nước quy định. Nó được thể hiện thông qua các luật và văn bản dưới luật được cơ quan quyền lực cao nhất ban hành mà mỗi công dân và các tổ chức kinh tế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Khoản nộp thuế không mang tính hoà trả trực tiếp, một phần của số này được trả người dân dưới dang các trợ cấp xã hội, phúc lợi công cộng và các quĩ tiêu dùng xã hội khác.

2. Khái niệm về Thuế :

Thuế là một hình thức động viên cổ xưa nhất của Tài chính nhà nước, bất kỳ nhà nước nào khi xuất hiện thì sẽ xuất hiện thuế. Tuy nhiên, với mỗi nhà nước khác nhau thì bản chất của thuế lại phụ thuộc vào bản chất của nhà nước, đồng thời khi xuất hiện thuế thì sẽ xuất hiện mối quan hệ giữa nhà nước và người nộp thuế.

Xét về góc độ nhà nước : Thuế là khoản thu của nhà nước, khoản thu mang tính bắt buộc không hoàn trả trực tiếp, được pháp luật qui định.

Xét về góc độ người nộp thuế : Thuế là khoản đóng góp mang tính chất pháp luật cao nhất của nhà nước, buộc các tổ chức kinh tế và mọi người dân

phải nộp một phần thu nhập của mình vào NSNN để nhà nước đáp ứng nhu cầu chi tiêu của bộ máy nhà nước.

Xét về về mặt nội dung vật chất : Thuế là một khoản tiền, hiện vật mà người dân và các tổ chức kinh tế có nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước để dùng vào việc chi tiêu của nhà nước.

Xét về thực chất : Thuế là một hình thức phân phối được Nhà nước sử dụng để động viên một phần thu nhập của các tổ chức kinh tế và các cá nhân trong xã hội vào NSNN.

Tóm lại ta có thể hiểu : Thuế là một biện pháp động viên bắt buộc của Nhà nước đối với các thể nhân và pháp nhân buộc các thể nhân và pháp nhân trích một phần thu nhập do kinh doanh, do lao động, do đầu tư tài chính, do lưu trữ dịch chuyển tài sản mang lại nộp vào NSNN.

3.Đặc điểm của Thuế :

Thuế là một biện pháp tài chính của Nhà nước mang tính quyền lực, tính cưỡng chế và tính pháp lý cao.

Thuế là tuy là biện pháp tài chính mang tính bắt buộc, song sự bắt buộc đó luôn luôn được xác lập trên nền tảng của các vấn đề kinh tế – xã hội của người nộp thuế. Do đó, thuế bao giờ cũng chứa đựng các yếu tố thực về kinh tế, xã hội.

Thuế là một khoan thu không mang tính hoàn trả trực tiếp. Nghĩa là khoản đóng góp của công dân bằng hình thức thuế không đòi hỏi phải hoàn trả đúng bằng số lượng đã đóng góp.

4. Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường :

Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước.

Thuế là một trong những công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc quản lý và điều tiết vĩ mô, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hoá nâng cao hiệu quả kinh tế trong hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung.

Thuế góp phần thực hiện công bằng xã hội, bình đẳng giữa các tổ chức kinh tế và các tầng lớp dân cư.

Nhà nước dùng thuế để thực hiện các chức năng kinh tế xã hội của mình đối với đất nước. Thực hiện những mục tiêu đó cũng chính là thực hiện vai trò cơ bản của thuế.

5.Chức năng của thuế :

Thuế là một công cụ quan trọng để động viên một phần thu nhập quốc dân vào NSNN.

Thuế là một công cụ để điều tiết kích thích sản xuất, điều chỉnh cung - cầu xã hội.

Thuế là công cụ giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - tập thể và người lao động.

Nhà nước sử dụng thuế để kiểm tra và giám sát về mặt kinh tế đối với các hoạt động kinh doanh của tất cả các thành phần kinh tế.

Thuế có tác dụng mở rộng kinh tế đối ngoại, đông thời bảo vệ lợi ích sản xuất trong nước.

Thuế là công cụ sắc bén để điều hoà thu nhập quốc dân.

6.Phân loại thuế :

Thuế được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau, nhưng thông thường căn cứ vào mối quan hệ giữa người chịu thuế và người nộp thuế, người ta phân thuế làm hai loại :

Thuế gián thu : là loại thuế được cộng vào giá,là một bộ phận cấu thành nên giá cả hàng hoá như : thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu. Thực chất loại thuế này người nộp thuế theo luật chỉ là người nộp thay cho người tiêu dùng những hàng hoá, dịch vụ hoặc tài sản do mình cung cấp, phần thuế đó được người tiêu dùng hoàn trả qua giá mua hàng hoặc dịch vụ tài sản của người cung cấp.

Thuế trực thu : là loại thuế thu trực tiếp đánh vào thu nhập của các tổ chức kinh tế, cá nhân như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cao.

Lê Thị Quỳnh Hoa – MSV: 2002A824 – Lớp 7A04

Khác với thuế gián thu, đối với thuế trực thu người chịu thuế đồng thời là người nộp thuế cho Nhà nước. Chính vì vậy thuế trực thu có nhiều ưu điểm và công bằng hơn,phù hợp với khả năng của từng đối tượng, thu nhập cao thì nộp thuế cao, thu nhập thấp thì nộp thuế ít.

7. Các yếu tố cấu thành sắc thuế :

Mỗi sắc thuế đòi hỏi có các đặc trưng riêng nhưng về cơ bản đều được cấu thành từ các yếu tố sau :

Tên gọi của sắc thuế.

Đối tượng chịu thuế, đối tượng thuộc diện không chịu thuế. Đối tượng nộp thuế.

Căn cứ và phương pháp tính thuế.

Thuế suất – mức thuế – biểu thuế.

Đăng ký, kê khai – nộp thuế, quyết toán thuế. Miễn giảm thuế, hoàn thuế(nếu có).

Trách nhiệm, nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế, cơ quan quản ký thuế.

II. THUẾ GTGT VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI ÁP DỤNG THUẾ GTGT Ở NƯỚC TA :

1. Sự ra đời và phát triển của thuế GTGT :

Thuế GTGT có nguồn gốc từ thuế doanh thu. Từ sau đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918), thuế doanh thu đã được nghiên cứu, áp dụng nhằm động viên sự đóng góp rộng rãi của toàn thể quần chúng nhân dân cho nhu cầu chi tiêu của nhà nước. Thuế doanh thu được áp dụng ở Pháp từ năm 1917, thời kỳ đầu thuế doanh thu chỉ đánh ở giai đoạn cuối cùng của quá trình lưu thông hàng hoá với thuế suất thấp. Đầu năm 1920, thuế doanh thu được điều chỉnh đánh vào từng khâu của qúa trình sản xuất. Qua thực tế, cách đánh thuế này đã bộc lộ rõ nhược điểm là thuế tính chồng chéo, trùng lặp. Và để khắc phục nhược điểm này năm 1936, Pháp tiến hành cải tiến thuế doanh thu từ việc đánh

thuế vào từng khâu sang đánh thuế 1 lần vào công đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất. Việc này đã khắc phục được nhược điểm là đánh thuế

trùng lặp, nhưng lại làm cho việc thu thuế bị chậm trễ so với trước đây vì chỉ khi hàng hoá đi vào lưu thông thì Nhà nước mới thu được thuế. Qua nhiều lần sửa đổi và bổ sung, tù ngày 01/01/1968 thuế GTGT được áp dụng chính thức đối với sản xuất, bán lẻ hàng hoá và cung ứng dịch vụ ở Pháp.

Ở Việt Nam, thuế GTGT được áp dụng lần đầu tiên tại Miền Nam theo sắc thuế số 035 – TT/SLU ngày 12/12/1972. Ngày 05/07/1993 được chính phủ cho phép, Bộ Tài Chính đã có quyết định số 486TC/QĐ/TCT ban hành thuế GTGT để thực hiện thí điểm tại một số cơ sở kinh doanh : công ty dệt Hà Đông, công ty dệt kim Đông Xuân, nhà máy dệt Đông á…

Tuy nhiên, việc thực hiện thí điểm đã không mang lại kết quả do hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong xã hội có mối quan hệ chạt chẽ với nhau, từ quá trình cung cấp nguyên vật liệu đến quá trình tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, thuế GTGT không thể thực hiện riêng rẽ ở một số khâu hay một số doanh nghiệp.

Để góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế sao cho phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tạo điều kiện mở rộng hợp tác với các nước trong khu vực và thế giới, đồng thời để phù hợp với xu thế cải cách thuế ở các nước trên thế giới.Tại kỳ họp thứ11, Quốc hội khoá IX, từ ngày 02/04 đến ngày 10/05/1997 đã thông qua luật thuế GTGT và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999 thay thế cho luật thuế doanh thu. Qua năm 5 năm thực hiện, Luật thuế GTGT đã được Quốc hội khoa 11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2004.

2.Sự cần thiết phải áp dụng thuế GTGT ở Việt Nam :

Mở đầu cho tiến trình cải cách thuế giai đoạn II, một trong 2 luật thuế được Nhà nước ban hành là Luật thuế GTGT thay cho Luật thuế Doanh thu trước đây là một bước tiến mới trong hệ thống thuế của nước ta. Việc ban hành và thực hiện thuế GTGT là cần thiết vì:

Thuế GTGT có thể khắc phục được nhược điểm của thuế Doanh thu như trùng lặp, thuế thu trên thuế, nhiều mức thuế suất, chưa khuyến khích mạnh xuất khẩu và đầu tư công nghệ mới.

Thuế GTGT được áp dụng không những đảm bảo được mức thu thuế ổn định cho NSNN mà còn góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh, là cơ sở để tăng thu cho NSNN.

Thuế GTGT thu cả đối với hàng hoá nhập khẩu tạo sự bình đẳng trong kinh doanh giữa các doanh nghiệp nhập khẩu và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nước. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nước có điều kiện phát huy lợi thế của mình.

Khi áp dụng Luật thuế GTGT đã thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện tốt hơn việc hạch toán kế toán và thực hiện mua bán hàng hoá, dịch vụ có hoá đơn, chứng từ, hạn chế việc thất thu thuế.

Thuế GTGT đã góp phần vào việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở nước ta phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với nền kinh tế thị trường, tạo điều kiện để tham gia và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế-nhanh chóng hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT THUẾ GTGT :

1.Khái niệm thuế GTGT :

GTGT là phần giá trị tăng thêm mới được tạo ra trong quá trình sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ. Nó được xác định bằng chênh lệch giữa tổng giá trị sản xuất hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ với tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng. Do đó, thuế GTGT là thuế thu trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào NSNN theo mức độ tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

Xét về hình thức, thuế GTGT do các nhà sản xuất kinh doanh nộp hộ người tiêu dùng thông qua việc tính gộp thuế này vào giá bán hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng phải trả cho người bán. Hay nói cách khác, thuế GTGT

Lê Thị Quỳnh Hoa – MSV: 2002A824 – Lớp 7A04

là loại thuế gián thu đánh vào thu nhập của người tiêu dùng nhằm động viên một phần thu nhập thông qua sự đóng góp của người tiêu dùng.

Xét về bản chất, người chịu thuế GTGT là người tiêu dùng bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất.

2.Đặc điểm của thuế GTGT :

Thuế GTGT là một sắc thuế đánh vào tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ nhưng thu đực ở khâu bán hàng, nó mang tính chất gián thu. Tuy nhiên, trên thực tế rất khó phân biệt được đâu là người tiêu dùng trung gian, đâu là người tiêu dùng cuối cùng. Vì thế, cứ có hành vi mua bán hàng hoá là phải tính thuế.

Thuế GTGT có tính trung lập kinh tế cao bởi nó không bị ảnh hưởng vào kết quả kinh doanh của người nộp thuế, mà chỉ là một khoản cộng thêm vào giá bán của người cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

Thuế GTGT không chịu ảnh hưởng bởi quá trình tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế. Nghĩa là, dù chu trình kinh tế có bị phân đoạn nhiều hay ít cũng không ảnh hưởng đến số thuế GTGT thu được.

Thuế GTGT có khả năng đem lại số thu thường xuyên, ổn định cho NSNN. Điều này thể hiện tính chủ động của Nhà nước trong quan điểm đông viên vào ngân sách của mình cũng như điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

3.Đối tượng chịu thuế GTGT:

Theo qui định tại Điều 2 Luật thuế GTGT và Điều 2 Nghị định số 158/2003/NĐ/CP của Chính phủ thì "Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam(bao gồm cả hàng hoá, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài)trừ các đối tượng không chịu thuế ".

4.Đối tượng không chịu thuế GTGT :

Theo qui định tại Điều 4 Luật thuế GTGT, Điều 4 nghị định số 158/2003/NĐ-CP của Chính phủ, các hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT gồm 28 nhóm hàng(Xem phụ lục số 1).

Cơ sở sản xuất kinh doanh không được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT qui định tại điều này mà phải tính vào giá trị hàng hoá, dịch vụ, nguyên giá tài sản cố định hoặc chi phí kinh doanh.

Lê Thị Quỳnh Hoa – MSV: 2002A824 – Lớp 7A04

5.Đối tượng nộp thuế GTGT :

Theo qui định tại Điều 3 Luật thuế GTGT và Điều 3 Nghị định số 158/2003/NĐ-CP của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT thì "Tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh(gọi chung là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân khác có nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT từ nước ngoài(gọi chung là người nhập khẩu) đều là đối tượng nộp thuế".

6.Căn cứ tính thuế GTGT :

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

6.1. Giá tính thuế GTGT :

Được qui định tại Điều 7 Luật thuế GTGT số 02/1997/QH9 ngày 10/05/1997 và Điều 6 Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003.

Giá tính thuế là một căn cứ quan trọng để xác định số thuế GTGT phải nộp, giá tính thuế GTGT là giá bán chưa có thể được ghi trên hoá đơn bán hàng của người bán hàng, cung cấp dịch vụ hoặc người nhập khẩu. Giá tính thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ được xác định cụ thể như sau :

Đối với hàng hoá do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hoá chịu thuế tiêu thu đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế GTGT.

Đối với hàng hóa nhập khẩu, là giá nhập tại cửa khẩu cộng(+) với thuế nhập khẩu(nếu có) cộng(+) thuế tiêu thụ đặc biệt(nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu làm căn cứ tính thuế GTGT được xác định theo các qui định về giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu.

Nếu hàng hoá nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế là giá hàng hoá nhập khẩu cộng(+) với thuế nhập khẩu theo mức thuế đã được miễn giảm.

Lê Thị Quỳnh Hoa – MSV: 2002A824 – Lớp 7A04

Đối với dịch vụ do phía nước ngoài cung ứng cho các đối tượng tiêu dùng ở Việt Nam, giá tính thuế là gía dịch vụ phải thanh toán cho phía nước ngoài.

Đối với hàng hoá,dịch vụ dùng để trao đổi, biếu tặng (trừ sản phẩm hàng hoá dùng để khuyến mại, quảng cáo), tiêu dùng nội bộ(không phục vụ cho sản xuất kinh doanh hoặc sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) thì phải tính thuế GTGT đầu ra, giá tính thuế được xác định theo giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điêmt phát sinh các hoạt động này.

Đối với hoạt động cho thuê tài sản như : nhà xưởng, kho tàng, bến bãi…Giá để tính thuế là giá cho thuê chưa có thuế. Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một thời hạn thì thuế GTGT tính trên số tiền thu từng kỳ hoặc thu trước.

Đối với trường hợp thuê giàn khoan, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của nước ngoài (loại trong nước chưa sản xuất được) để cho thuê lại, giá tính thuế được trừ giá thuê giá thuê phải trả cho nước ngoài.

Đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp, giá tính thuế là giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ đó(không bao gồm lãi trả góp), không tính theo số tiền trả góp từng kỳ.

Đối với gia công hàng hoá, giá tính thuế là giá gia công chưa có thuế (bao gồm tiền công, tiền nhiên liệu, vật liệu phụ và chi phí khác để gia công).

Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá xây dựng, lắp đặt chưa có thuế GTGT của công trình, hạng mục công trình.

Đối với hoạt động đầu tư xây nhà để bán, xây dựng cơ sở hạ tầng để chuyển nhượng của các đơn vị được Nhà nước giao đất, giá tính thuế là giá bán nhà, cơ sở hạ tầng gắn với đất trừ(-) tiền sử dụng đất phải nộp NSNN.

Đối với các hoạt động đại lý, môi giới mua, bán hàng hoá, dịch vụ hưởng hoa hồng thì giá chưa có thuế làm căn cứ tính thuế là tiền hoa hồng thu từ các hoạt động này.

Đối với hàng hoá, dịch vụ có tính đặc thù được dùng chứng từ thanh toán như: tem bưu chính, vé cước vận tải, vé sổ số kiến thiết…ghi giá thanh toán là giá đã có thuế, còn giá chưa có thuế được xác định như sau :

$$\text{Giá chưa có thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán(tiền bán vé, bán tem)trên chứng từ}}{\text{1+Thuế suất thuếGTGT của hàng hoá, dịch vụ đó.}}$$

Đối với dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ môi giới, uỷ thác xuất nhập khẩu và dịch vụ khác hưởng tiền công hoặc hoa hồng, giá tính thuế là tiền công hoặc hoa hồng được hưởng chưa có thuế.Đối với hoạt động vận tải, bốc xếp thì giá tính thuế là giá cước vận chuyển, bốc xếp chưa có thuế . Đối với hoạt động vận tải quốc tế thì doanh thu vận tải quốc tế không chịu thuế.

Đối với dịch vụ du lịch lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng theo giá trọn gói thì giá trọn gói là đã có thuế GTGT. Trường hợp giá trọn gói bao gồm cả các khoản không chịu thuế(ăn ở tham quan, lệ phí sân bay…) thì các khoản này được giảm trừ trong giá tính thuế.

Đối với dịch vụ cầm đồ, giá tính thuế là tiền thu từ hoạt động này, bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay, cầm đồ và chênh lêch thu được từ bán hàng cầm đồ(bằng doanh thu bán hàng phát mại trừ(-) số tiền cho vay, trừ(-) số tiền phải trả khách hàng(nếu có)).

Đối với dịch vụ in, giá tính thuế không bao gồm tiền giấy in.Nếu cơ sỏ in thực hiện hợp đồng in, giá thanh toán bao gồm cả tiền công in và giấy in thì giá tính thuế bao gồm cả tiền giấy.

Đối với sách báo, tạp chí bán theo đúng giá phát hành(giá bìa) theo qui định của Luật Xuất bản thì giá đó là giá tính thuế, còn nếu không bán theo giá bìa thì giá bán ra là giá tính thuế.

6.2Thuế suất :

Có 3 mức thuế suất : 0%, 5%, 10% được sử dụng đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ sản xuất-kinh doanh trong nước hoặc nhập khẩu(xem phụ lục 2). Việc qui định các mức thuế suất khác nhau nhằm thể hiện chính sách

điều tiết thu nhập và hướng dẫn tiêu dùng đối với hàng hoá, dịch vụ khác nhau. Trong điều kiện hiện nay, khi mặt bằng kinh doanh của các ngành nghề chưa đồng nhất, thì việc phân biệt các mức thuế suất là cần thiết.

Mức thuế suất 0% : áp dụng đối với hàng hoá xuất khẩu, kể cả hàng hoá gia công xuất khẩu.

Mức thuế suất 5% : áp dụng đối với các hàng hoá, dịch vụ thiết yếu cần khuyến khích, hoặc sản xuất-kinh doanh còn đang gặp khó khăn(39 nhóm sản phẩm, dịch vụ)(xem phụ lục 2).

Mức thuế suất 10% : là mức thuế suất phổ biến, áp dụng cho các loại hàng hoá, dịch vụ thông thường còn lại ngoài những hàng hoá, dịch vụ đã chịu thuế suất 0%, 5%(27 nhóm sản phẩm, dịch vụ)(xem phụ lục 2).

7.Phương pháp tính thuế :

Cơ sở nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp : phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp trực tiếp :

7.1 Phương pháp khấu trừ :

a/ Đối tượng áp dụng : Là các đơn vị, tổ chức kinh doanh, doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các đơn vị, tổ chức kinh doanh khác đã thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ theo qui định, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp.

b/ Xác định thuế GTGT phải nộp :

Số thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Trong đó

+ Thuế GTGT đầu ra (=)giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế(*)thuế suất thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ đó.

Cơ sở kinh doanh tính thuế theo phương pháp khấu trừ, khi bán hàng hoá, dịch vụ phải tính và thu thuế GTGT hàng hoá, dịch vụ bán ra. Khi lập

hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ phải ghi rõ giá bán chưa xó thuế, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Trường hợp hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hoá đơn chứng từ.

+ Thuế GTGT đầu vào (=)tổng số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT mua hàng hoá, dịch vụ(bao gồm cả TSCĐ) dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoa, dịch vụ nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

Nếu hàng hoá, dịch vụ mua vào được dùng chứng từ đặc thù ghi gia thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì cơ sở có thể căn cứ vào giá trên để xác định giá chưa có thuế GTGT được khấu trừ.

c/ Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ :

Thuế GTGT của hàng hoá, dịchvụ mua vào dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng đồng thời để sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuê thì chỉ khấu trừ số thuế đầu vào tương ứng của hàng hoá, dịch vụ dung cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, còn số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ sẽ tính vào chi phí của hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT.

Hàng hoá mua vào bị tổn thất do thiên tai, hoả hoạn hoặc do mất, xác định trách nhiệm do cá nhân hoặc tổ chức phải bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá, dịch vụ này được tính vào giá trị của hàng hoá tổn thất hoặc phải bồi thường không được tính vào thuế GTGT đầu vào để khấu trừ khi kê khai thuế GTGT phải nộp.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào thì được kê khai khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt hàng hoá, dịch vụ đó đã xuất dùng hay còn trong

kho. Trường hợp không kê khai kịp trong tháng thì được kê khai khấu trừ vào các tháng tiếp sau nhưng tối đa không quá 3 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Đối với tài sản cố định(TSCĐ) mua vào sử dụng riêng cho sản xuất-kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT, thì thuế GTGT của TSCĐ được tính ngay vào nguyên giá của TSCĐ. Còn đối với TSCĐ mua vào sử dụng cho sản xuất-kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì thuế đầu vào của TSCĐ được khấu trừ như đối với hàng hoá, vật tư khác.

Trường hợp không hạch toán riêng được thì được khấu trừ theo tỷ lệ % doanh số của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh số bán ra trong kỳ.

Thuế GTGT = Doanh số hàng hoá chịu thuế x Thuế GTGT

đ.vào khấu trừ Tổng doanh số bán ra trong kỳ đ.vàophải nộp

7.2 Phương pháp trực tiếp :

a/ Đối tượng áp dụng :

Cá nhân sản xuất kinh doanh là người Việt Nam

Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về kế toán, hoá đơn, chứng từ để làm căn cứ tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

Cơ sở kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

b/ Phương pháp tính thuế GTGT :

Thuế GTGT = GTGT của hàng x Thuế suất của hàng

phải nộp hoá chịu thuế hoá, dịch vụ đó.

Trong đó :

GTGT của hàng hoá, = D.Số của hàng - Giá vốn của hàng hoá,

dịch vụ chịu thuế hoá, dịch vụ bán ra dịch vụ bán ra

+/ Doanh số của hàng hoa, dịch vụ bán ra là giá bán thực tế bên mua phải thanh toán cho bên bán, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên mua phải trả.

+/ Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ bán ra được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ(giá mua bao gồm cả thuế GTGT) mà cơ sở sản xuất, kinh doanh đã dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra trong kỳ.

c/GTGT đối với một số trường hợp và ngành nghề kinh doanh :

Đối với hoạt động sản xuất , kinh doanh bán hàng thì GTGT là chênh lệch giữa doanh số bán ra với doanh số mua vào dùng cho sản xuất kinh doanh.

Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán riêng được doanh số hàng hoá, vật tư mua vào tương ứng với doanh số bán ra thì :

Giá vốn hàng = Trị giá tồn + Trị giá mua - Trị giá tồn

hoá bán ra đầu kỳ trong kỳ cuối kỳ

Đối với kinh doanh ngoại tệ giá trị gia tăng của hoạt động này xác định như sau :

GTGT = Doanh số bán ra trong kỳ – Doanh số mua vào tương ứng

Trong đó :

D.Số mua vào tương ứng = số ngoại tệ đã bán x tỷ giá mua vào t/tế.

Ngoài ra, trong luật thuế GTGT còn qui định việc đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, miễn giảm thuế, hoàn thuế (nếu có).

PHẦN 2 :TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT THUẾ GTGT CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - VẬN TẢI - DU LỊCH

I.QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – VẬN TẢI – DU LỊCH:

1.Đặc điểm của công ty :

Tên công ty : Công ty TNHH Thương mại - Vận tải - Du lịch

Tên giao dịch: Tourism - Transport - Trading Company Limited

Địa chỉ: 257B Trung liệt - Đống Đa - Hà Nội

MST : 0101107609

Hình thức sở hữu vốn : huy động từ 2 thành viên trở lên.

Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh máy điều hoà không khí

Cung cấp đồ gia dụng

Cung cấp thiết bị văn phòng, nội thất **2. Lịch sử hình thành công ty :**

Công ty TNHH Thương mại - Vận tải - Du lịch được thành lập ngày 26/02/2001 theo giấy phép đăng kí kinh doanh số 010200204 do UBND thành phố Hà Nội cấp.

Công ty hoạt động với số vốn là 1.000.000.000 đồng do :

- Ông Mai thanh Phương góp 900.000.000 đồng.
- Ông Lê Nam Hải góp 50.000.000 đồng.
- Ông Trần Hoàng Hải góp 50.000.000 đồng

Công ty được tách ra từ xí nghiệp cơ điện lạnh trực thuộc công ty xuất nhập khẩu thuỷ sản Quảng Ninh(Seaprodex Quảng Ninh). Công ty hạch toán kinh doanh độc lập có tài khoản tại ngân hàng và có con dấu riêng.

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là chuyên thi công các hệ thống lạnh công nghiệp dùng cho các dây chuyền đông lạnh lớn, các hầm lạnh chuyên dùng cho các tàu đánh bắt lớn, hệ thống lạnh dân dụng cho các nhà hàng, khách sạn lớn…

Lê Thị Quỳnh Hoa – MSV: 2002A824 – Lớp 7A04

II.ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ, BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY:

1. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty :

Bộ phận lãnh đạo của công ty đứng đầu là Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên của công ty gồm tất cả thành viên, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty . Hội đồng thành viên bầu 1 thành viên làm chủ tịch và chủ tịch hội đồng thành viên có thể kiêm luôn Giám đốc công ty.

Sơ đồ tổ chức :

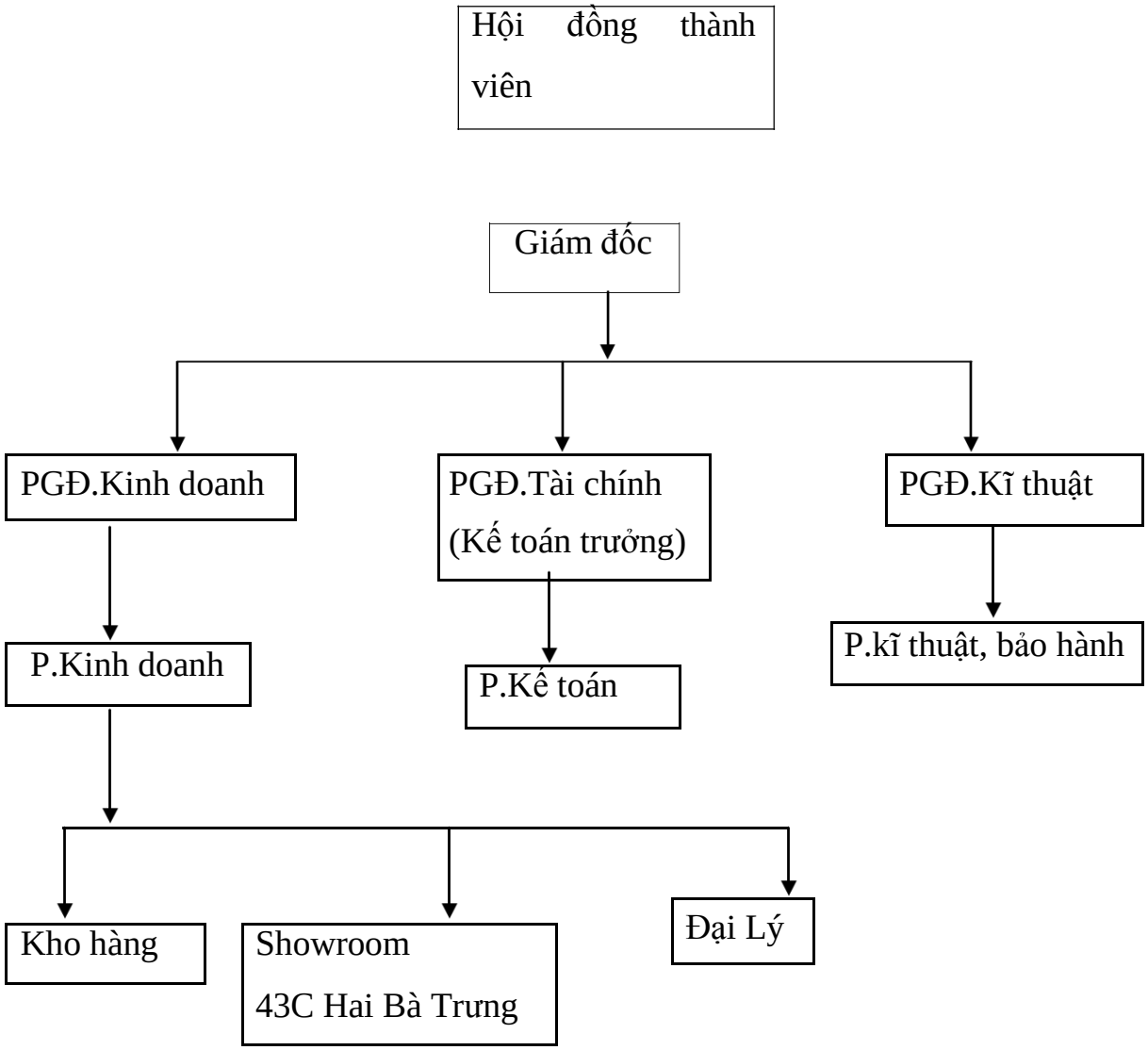

Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình và là người đại diện trước pháp luật. Giám đốc là người tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty.

Lê Thị Quỳnh Hoa – MSV: 2002A824 – Lớp 7A04

Phó giám đốc kinh doanh : là người được giám đốc uỷ quyền chịu trách nhiệm trong lĩnh vực quản lí, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Phó giám đốc Tài chính(Kế toán trưởng) : Là người chịu trách nhiệm trước giám đốc về tổ chức điều hành toàn bộ công tác tài chính của công ty theo đúng qui định của pháp luật.

Phó giám đốc kĩ thuật : là người được giám đốc uỷ quyền chịu trách nhiệm về mặt kĩ thuật của sản phẩm của công ty.Và là nơi tiếp nhận các yêu cầu kĩ thuật chung đã được thống nhất từ ban giám đốc sau đó được chuyển tới các bộ phận.

Phòng kinh doanh : là nơi chịu trách nhiệm về việc xác định chiến lược và phương án kinh doanh, triển khai các phương án kinh doanh đã được duyệt.

Phòng kế toán : là nơi tham mưu giúp giám đốc trong công tác quản lý công ty và thực hiện công tác tổ chức tài chính - kế toán nhằm mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của công ty, thực hiện thu nộp ngân sách nhà nước theo chế độ do nhà nước quy định.

Bên cạnh đó công ty còn có các phòng ban khác như kho hàng, các đại lý, các Showroom, xưởng bảo hành…

Ngoài các chức vụ chủ chốt kể trên công ty còn có đội ngũ công nhân viên làm việc tại các của hàng.Với khoảng 33 nhân viên vào năm 2004 (và đã tăng lên là 38 vào năm 2005) đã phục vụ cho công việc kinh doanh của công ty ngày càng phát triển hơn.

2.Tổ chức bộ máy kế toán của công ty :

Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ thực hiện và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán của công ty. Để phù hợp với hoạt động kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý , công ty áp dụng hình thức kế toán tập trung tại phòng Kế toán - tài vụ của công ty. Theo hình thức này công ty chỉ mở một bộ sổ kế toán, phòng kế toán của công ty thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ thu thập, ghi sổ đến xử lý thông tin kế toán.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

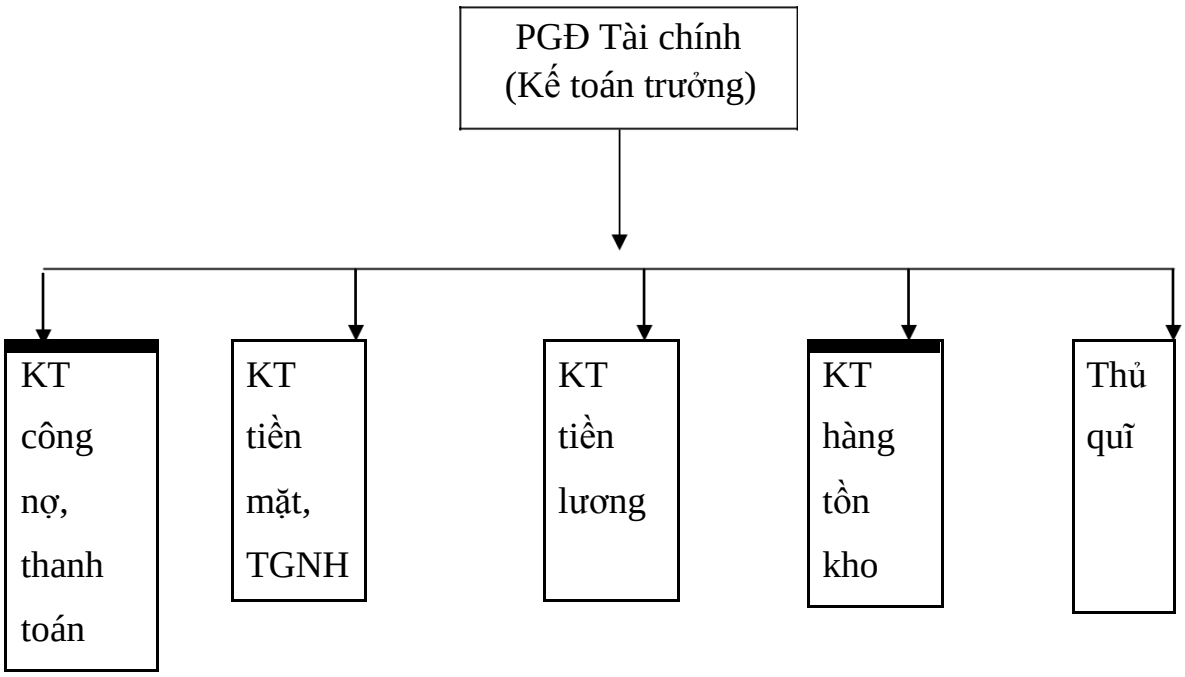

Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng(kiêm kế toán tổng hợp). Là người chịu trách nhiệm trước ban giám đốc công ty về toàn bộ hoạt động tài chính trong công ty và chỉ đạo trực tiếp các nhân viên kế toán trong phòng kế toán.

Kế toán công nợ, thanh toán là người lập các phiếu thu, phiếu chi theo yêu cầu công việc, bảo quản, lưu trữ các kỳ phiếu này khi kết thúc quy trình lưu chuyển.

Kế toán tiền mặt, TGNH ; Theo dõi thu chi tiền mặt, TGNH, việc mở L/C tại các ngân hàng, theo dõi thanh toán các chứng từ nước ngoài.

Kế toán tiền lương : là người hàng tháng thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ, công nhân viên trong công ty.

Kế toán hàng tồn kho : Là người thường xuyên theo dõi, xem xét số lượng hàng hoá đầu kỳ, cuối kỳ trong kho của doanh nghiệp.

Thủ quĩ : có nhiệm vụ quản lý thu chi tiền mặt khi có lệnh.

3. Đặc điểm công tác kế toán của công ty TNHH Thương Mại – Vận Tải – Du Lịch :

Công ty áp dụng niên độ kế toán:bắt đầu từ 01/01 và kết thúc 31/12. Hình thức sổ kế toán : chứng từ ghi sổ.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp khấu hao TSCĐ : Khấu hao theo đường thẳng

Hàng ngày, từ những chứng từ gốc ban đầu kế toán vào các sổ nhật ký chuyên dùng như : Nhật ký bán hàng, Nhật ký mua hàng…. và sổ chi tiết các tài khoản liên quan. Cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng của công ty sẽ tập hợp số liệu vào số cái và các phiếu kế toán sau đó lập bảng cân đối kế toán và báo cáo tài chính.

Ngoài những báo cáo tài chính bắt buộc phải lập cuối mỗi kỳ kế toán, công ty còn sử dụng một số báo cáo phục vụ công tác quản trị nội bộ như : Báo cáo theo dõi tình hình quản lý công nợ, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh…..

Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Bên cạnh đó công ty còn phải thực hiện các loại thuế, phí và lệ phí khác, như : thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà đất…

III.TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT THUẾ GTGT CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - VẬN TẢI - DU LỊCH :

1.Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty *:*

Công ty TNHH Thương Mại - Vận Tải - Du Lịch là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Mặc dù phải chịu ảnh hưởng rất lớn từ các điều kiện của nền kinh tế cạnh tranh khốc liệt của những doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực nhứng công ty đã và đang từng bước tự khẳng định được mình trong lĩnh vực kinh doanh đồ điện gia dụng.

Qua số liệu trên biểu1 ta thấy các chỉ tiêu nhìn chung là tăng qua các năm.Doanh thu thuần năm 2005 đạt 6.533 triệu đồng tăng 3% so với năm 2004, giá vốn hàng bán đạt 5.848 triệu đồng tăng 8% so với năm 2004, điều

Lê Thị Quỳnh Hoa – MSV: 2002A824 – Lớp 7A04

XUẤT KINH DOANH

ty năm 2005 tăng 8% so với năm 2004.

Sự tăng trưởng thấp như vậy là do năm 2005 công ty đã bỏ vốn kinh doanh ra nhiều hơn năm 2004 để chuẩn bị cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh vào năm 2006 sắp tới.

Sosánh	Tỷlệ (%)	3%	8%	9%	12%				8%	8%		

Đơn vị: 1000 đồng

Luận văn tốt nghiệp này đã lý giải tại sao lợi nhuận của công ty

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Số tuyệt đối (+/-)
Doanh thu thuần	6.337.686	6.533.183	195.497
Giá vốn hàng bán	5.414.056	5.847.759	433.703
Chi phí quản lý kinh doanh	909.306	993.280	83.974
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.324	16.000	1.676
Chi phí hoạt động tài chính	0	0	0
Lãi khác	506.300	0	(506.300)
Lỗ khác	0	0	0
Tổng lợi nhuận trước thuế	14.830	16.000	1.170
Lợi nhuận sau thuế	10.678	11.520	842
Tổng thuế nộp vào NSNN	(85)		
Trong đó thuế GTGT phải nộp	52	(65)	

Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, công ty nộp ngân sách nhà nước là 83 triệu đồng tăng 2% so với năm 2004, trong đó thuế GTGT là -65triệu đồng.

Qua việc xem xét các chỉ tiêu tài chính của công ty qua 2 năm gần đây ta thấy rằng : Công ty đã đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh của mình cho dù hiệu quả đó không cao lắm. Đó là những cố gắng của toàn công ty trong việc khắc phục khó khăn của mình trên con đường đi tìm chỗ đứng của mình trên thị trường.Chính vì thế công ty cần phải có những kế hoạch phát triển cần thiết hơn để hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm sáp tới thu được kết quả kinh doanh cao hơn.

2. Tình hình kê khai và nộp thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại – Vận Tải – Du Lịch :

Công ty TNHH Thương Mại - Vận Tải - Du Lịch tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, việc dăng ký nộp thuế được công ty đăng ký tại chi cục thuế quận Đống Đa. Hàng tháng, công ty đã thực hiện kê khai thuế và nộp tờ khai thuế cho cơ quan thuế theo đúng qui định của pháp luật.

Số thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Trong đó :

+ Thuế GTGT đầu ra (=)giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế(*)thuế suất thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ đó.

+ Thuế GTGT đầu vào (=)tổng số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT mua hàng hoá, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế GTGT hàng hoá nhập khẩu.

Để hiểu rõ hơn về tình hình thực hiện luật thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại - Vận Tải - Du Lịch ta hãy xem bảng 2

2.1 Doanh thu làm căn cứ tính thuế GTGT đầu ra của công ty :

Doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra thuộc đối tượng chịu thuế GTGT năm 2005 đạt 6.533 triệu đồng, tăng 3% so với năm 2004. Doanh thu năm 2005 tăng lên là do:

Doanh số của hàng hoá, dịch vụ thuế suất 5% năm 2005 là 110 triệu đồng chiếm tỷ trọng nhỏ và giảm từ 1,92% năm 2004 xuống còn 1,69% so với

năm 2004(1,92%).Doanh thu của hàng hoá,dịch vụ chịu mức thuế suất 5% bao gồm một số mặt hàng chủ yếu như:máy hút ẩm,máy hút bụi ….

Doanh số của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 10% gồm các loại hàng hoá, dịch vụ: điều hoà, tủ lạnh, lò vi sang,…Năm 2005, hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 10% tăng hơn năm 2004.Nếu năm 2004 doanh thu đạt 621triệu đồng thì năm 2005 là 642triệu đồng tăng 3% so với năm 2004.

Như vậy, doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 10% vẫn chiếm chủ yếu và có tỷ trọng cao.Theo qui định của Luật thuế GTGT, mọi cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh phải kê khai đúng và đầy đủ doanh thu chưa thuế và thuế GTGT theo tong mức thuế suất trong tờ khai thuế hàng tháng để làm căn cứ tính toán thuế GTGT phải nộp(theo mẫu số 11/GTGT). Việc kê khai không chính xác sẽ ảnh hưởng đến việc kê khai thuế và số thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước cũng như bất lợi trong việc khấu trừ thuế cho doanh nghiệp mua.

Tuy nhiên trong thực tế, số doanh thu chịu thuế nói trên chưa phản ánh đúng doanh thu thực tế phát sinh tại công ty vào năm tài chính nên đã ảnh hưởng tới số thuế phải nộp và việc nộp thuế của công ty.

Theo số liệu trong tờ kê khai thuế GTGT thì doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 5% năm 2005 là 110 triệu đồng, chưa có 10 triệu đồng do công ty bỏ sót hoá đơn GTGT có ký hiệu HH/2005B số 0022914 không kê khai vào báo cáo.

Doanh thu của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 10%, bỏ sót 120 triệu đồng của hoá đơn GB/2005B số 0012515 của công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Long thanh toán tiền hàngchưa hạch toán vào doanh thu để tính thuế GTGT đầu ra.

Nếu kê khai đầy đủ thì doanh thu chịu thuế năm 2005 là :

6.533 + 10 + 120 = 6.663 triệu đồng.

BIỂU 2 : TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY

Đơn vị : 1000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2004				Năm 2005				S/sánh 05/04	
	DThu chưa thuế	Thuế GTGT	Tỷ trọng D.Thu	Tỷ trọng GTGT	DThu chưa thuế	Thuế GTGT	Tỷ trọng D.Thu	Tỷ trọng GTGT	Chênh lệch GTGT (+/-)	Tỷ lệ GTGT
HHDV bán ra	6.337.686	627.664	100	100	6.533.183	647.797	100	100	20.133	3
Thuế suất 5%	122.171	6.108	1,9	0,98	110.268	5.500	1,7	0,85	(608)	(10)
Thuế suất 10%	6.225.515	621.556	98,1	99,02	6.422.913	642.297	98,3	99,15	20.741	3
HHDV được	6.005.622	575.241			7.060.052	712.768			137.52	24
GTGT phải nộp theo số phát sinh		52				(65)				25
GTGT kỳ trước chuyển sang		(85)				(33)				
GTGT đã nộp cuối năm						58				
GTGT cuối kỳ còn phải nộp		(33)				(40)				

2.2 Thuế GTGT đầu ra phải nộp :

Theo số liệu quyết toán thuế, số thuế GTGT đầu ra phải nộp năm 2005 là 648 triệu đồng tăng 3% so với năm 2004, trong đó :

- Thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo mức thuế suất 5%

Năm 2004 đạt 6,1 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 0,98% trong tổng số thuế GTGT đầu ra phải nộp. Năm 2005 số thuế GTGT đầu ra phải nộp theo mức thuế suất 5% là 5,5 triệu đồng chiếm tỷ trọng 0,85% trong tổng số thuế GTGT đầu ra và giảm 11% so với năm 2004.

Nhưng theo phần 2.1 đã trình bày do bỏ sot doanh thu chưa hạch toán vào doanh thu để tính thuế GTGT đầu ra, nên số thuế GTGT đầu ra phải nộp theo mức thuế suất 5% phải nộp thêm là :

10 * 5% = 0,5 triệu đồng

Như vậy, số thuế GTGT đầu ra phải nộp theo mức thuế suất 5% được xác định lại là :

5,5 + 0,5 = 6triệu đồng tăng 9% so với số kê khai của công ty. - Thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo mức thuế suất 10%

Năm 2005 thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo mức thuế suất 10% là 642 triệu đồng tăng 3% so với năm 2004, chiếm tỷ trọng cao 99,15% tăng chút ít so với năm 2004 trong tổng số thuế GTGT đầu ra.

Và cũng như đã trình bày ở phần 2.1, do bỏ sót doanh thu (120 triệu đồng)chưa hạch toán vào doanh thu để tính thuế GTGT đầu ra theo mức thuế suất 10%, nên số thuế GTGT đầu ra phải nộp theo mức thuế suất 10% tăng lên là:

120 * 10% = 12 triệu đồng

Vậy, số thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo mức thuế suất 10% được xác định là : 642 + 12 = 654 triệu đồng tăng 1,8% so với số thuế GTGT đầu ra mà công ty đã kê khai.

Như vậy, số thuế GTGT đầu ra phải nộp năm 2005 theo cả hai mức thuế suất được tính lại là : 6 + 654 = 660 triệu đồng, tăng 2,8% so với số thuế GTGT đầu ra mà công ty đã kê khai.

2.3. Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ :

Do công ty là một doanh nghiệp thương mại nên việc phát sinh thuế GTGT đầu vào thường xảy ra khi công ty mua hàng hoá phục vụ cho nhu cầu kinh doanh của công ty, mua hàng hoá: điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi… các sản phẩm để kinh doanh. Bên cạnh đó công ty còn phải thanh toán các hoá đơn dịch vụ mua ngoài khác như : thanh toán tiền điện thoại, tiền điện, tiền cước vận chuyển….

Hầu hết các sản phẩm mua vào của công ty được sử dụng cho mục đích kinh doanh đều là các mặt hàng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên các hàng hoá mua vào đều được kê khai khấu trừ thuế. Để đảm bảo thực hiện đúng qui định, tuân thủ chế độ, chính sách và đảm bảo lợi ích doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ với nhà nước doanh nghiệp đã sử dụng các chứng từ : hoá đơn GTGT (do người bán xuất cho công ty khi công ty mua hàng), phiếu nhập hàng hoá khi hàng hoá về nhập kho công ty, phiếu chi tiền mặt, giấy báo nợ(có) của ngân hàng …

Năm 2005, doanh số của hàng hoá chịu thuế GTGT được khấu trừ thuế là 7.060 triệu đồng, tăng 18% so với năm 2004. thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là 713 triệu đồng, tăng 24% so với năm 2004, nhưng không tách riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo từng mức thuế suất khác nhau.

Qua kiểm tra hoá đơn phát sinh của doanh nghiệp ta thấy:

Tháng 05/05, công ty mua hàng của công ty Re Gia Nguyễn, nhưng bỏ sót hoá đơn GTGT số34606 ký hiệuRN/2005N với số tiền 40triệu đồng

Như vậy, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là :

40 * 5% = 2 triệu đồng

Tuy nhiên, đến tháng 10/05 công ty mới nhận được hoá đơn mua hàng ghi số tiền trên do nhân viên của công ty đã bỏ sót mất hoá đơn. Theo hướng dẫn về thuế GTGT tại thông tư 120/2003 của Bộ Tài Chính thì trong vòng 3 tháng các hoá đơn mua vào sẽ được tổng hợp theo bảng kê mẫu số 03/GTGT để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Do đã quá thời hạn 3 tháng công ty mới phát hiện ra hoá đơn còn bỏ sót chưa kê khai nộp tiền nên công ty đã tự đánh mất quyền khấu trừ thuế. Do đó, trị giá vốn của lô hàng được hạch toán theo giá đã có thuế, hoá đơn mua vào không còn giá trị để hạch toán thuế GTGT được khấu trừ, chỉ còn giá trị làm căn cứ pháp lý để hạch toán giá vốn hàng mua vào. Vì vậy, công ty phải nộp oan số tiền thuế nói trên thay cho người mua hàng.

Vậy, số tiền thuế GTGT đầu vào được khấu trừ năm 2005 được xác định lại là :

+713 + 2 = 715 triệu đồng.

2.4 Thuế GTGT phải nộp :

Số thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Theo báo cáo quyết toán thuế GTGT của công ty thì số thuế GTGT phải nộp theo số phát sinh năm 2005 là -65 triệu đồng, trong đó thuế GTGT đầu ra là 648 triệu đồng, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là 713 triệu đồng. Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp là do công ty khi tính thuế đầu vào được khấu trừ cho cả hàng hoá còn năm trong kho trong khi đó khi tính thuế GTGT đầu ra lại tính đối với hàng hoá đã được thanh toán.

Nhưng theo như đã phân tích ở trên do xác định lại doanh thu tính thuế GTGT đầu ra và đầu vào nên số thuế GTGT thực tế phải nộp theo số phát sinh năm 2005 chỉ là: -55 triệu đồng chứ không phải là -65triệu đồng như công ty đã quyết toán. Như vậy giảm 11triệu so số quyết toán của công ty.

PHẦN III : MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TÍNH THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - VẬN TẢI - DU LỊCH

1.Một số tồn tại trong công tác quản lý thuế của công ty:

Do Luật thuế GTGT còn mới nên trong quá trình thực hiện vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chưa nắm chắc được luật. Vì vậy trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty vẫn còn có hiện tượng vi phạm luật thuế.

Trong tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, công ty không mở sổ theo dõi chi tiết thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo từng mức thuế suất 5% và 105 nên việc bỏ sót thuế, kê khai khống hoá đơn, chem. kê khai hoặc bị thất thoát thuế(do không được khấu trừ) là điều khó tránh được.

Vì doanh nghiệp là doanh nghiệp thương mại với hoạt động bán hàng là chủ yếu nên doanh nghiệp thường xuyên phải áp dụng các hình thức chiết khấu để thu hút khách hàng. Tuy nhiên, trên hoá đơn bán hàng hay hoá đơn GTGT hiện nay của doanh nghiệp chỉ ghi rõ tổng giá thanh toán mà không ghi rõ phần chiết khấu thương mại người mua được hưởng. Như vậy, việc ghi thiếu đã không phản ánh được hết nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Một hoạt động khác của doanh nghiệp là hoạt động nhận uỷ thác xuất, nhập khẩu. Theo qui định của Tổng Cục thuế, các đơn vị ngoài việc lập hoá đơn GTGT thu phí uỷ thác còn phải lập hoá đơn GTGT khi giao hàng cho cơ sở uỷ thác (đối với trường hợp nhận uỷ thác nhập khẩu). Như vậy, hoạt động này doanh nghiệp phải sử dụng đến hai loại hoá đơn khác nhau nên sẽ gây khó khăn cho việc kiểm tra sai phạm của các cơ quan có chức năng.

2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện phương pháp tính thuế gtgt:

Nhằm khắc phục những tồn tại trên, từng bước hoàn thiện công tác kê khai, tính thuế và quyết toán thuế, em xin đưa ra một số kiến nghị sau:

1.Đối với doanh nghiệp :

1.1 Công ty cần phải tự năng cao hiểu biết về Luật thuế GTGT cho nhân viên, đặc biệt là nhân viên phòng kế toán của công ty mình.

1.2 Công ty cần mở sổ kế toán theo dõi chi tiết thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào được khấu trừ theo từng mức thuế suất 5% và 10% để tránh tình trạng bị thất thoát thuế và tạo điều kiện cho cơ quan thuế kiểm tra số thuế phải nộp theo mẫu số 01/GTGT :

Hoá đơn, chứng từ mua			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Số lượng	Đơn giá	Tổng giá thanh toán	Thuế GTGT được khấu trừ			Ghi chú
Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng năm phát sinh							5%	10%	Số thuế được khấu trừ	

1.3 Trong hoạt động bán hàng của doanh nghiệp, để phản ánh được việc chiết khấu thương mại thì khi tiến hành giao dịch mua bán nhân viên bán hàng của công ty cần thể hiện được nội dung đó trên hoá đơn bán hàng. Thể hiện nội dung đó bằng cách, bổ sung dòng "Trừ chiết khấu thương mại" dưới dòng cộng tiền hàng và trước dòng tính thuế GTGT. Việc ghi như vậy giúp công ty giảm được số lượng chứng từ phải nộp và phản ánh được đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

1.4 Đối với hàng nhận uỷ thác xuất, nhập khẩu, để vừa đảm bảo phản ánh đúng nội dung nghiệp vụ kinh tế vừa có thể giảm bớt số hoá đơn phải ghi, nhân viên bán hàng của doanh nghiệp nên bổ sung thên váo hoá đơn bán hàng"Phiếu xuất kho hàng nhận uỷ thác", trên đó phải phản ánh được các nội dung sau :

Giá trị hàng nhận uỷ thác

Lê Thị Quỳnh Hoa – MSV: 2002A824 – Lớp 7A04

Phí uỷ thác

Số tiền nhận đặt trước

Số tiền thừa trả lại

Số tiền thiếu còn phải thu

Hoá đơn này do doanh nghiệp lập khi trả lại hàng cho bên giao uỷ thác.

Kế toán căn cứ vào hoá đơn này để lập phiếu thu, chi tiền mặt.

Ngoài ra, do doanh nghiệp là doanh nghiệp thương mại nên việc giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại cũng thường xuyên phát sinh. Chính vì thế, các hoá đơn trên cũng được xếp vào hệ thống chứng từ bắt buộc để phản ánh mối quan hệ giữa các pháp nhân độc lập.

2. Để hạn chế những gian lận thuế có thể xảy ra, theo em về phía nhà nước cũng cần phải tiến hành một số biện pháp sau :

Để đảm bảo không xảy ra hiện tượng ghi giá trong hoá đơn thấp hơn giá bán thực tế, Nhà nước nên qui định các doanh nghiệp thương mại bán hàng có giá trị lớn cần niêm yết bảng giá công khai với khách hàng, cuối kỳ, khi nộp thuế, cần nộp kèm bảng giá và ghi rõ tong thời điểm biến động giá. Như vậy, doanh nghiệp sẽ không thể ghi giá thấp rồi bán giá cao, điều này sẽ làm doanh nghiệp mất uy tín với khách hàng hoặc ghi giá cao rồi bán với giá thấp, gây ra sụt giảm doanh thu tạo điều kiện gian lận thuế GTGT đầu vào đối với người mua.

2. Cơ quan thuế cần tăng cường kiểm tra việc kê khai tính thuế hàng tháng, việc ghi chép sổ sách kế toán và việc sử dụng hoá đơn chứng từ mua bán hàng hoá. Các trường hợp vi phạm, không chấp hành đầy đủ các qui định trên thì kiên quyết xử lý theo luật định.

Lê Thị Quỳnh Hoa – MSV: 2002A824 – Lớp 7A04

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn hiện nay, thuế GTGT và công tác kế toán thuế GTGT đang là vấn đề rất được quan tâm ở nước ta. Đặc biệt trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới, việc xây dựng một chế độ kế toán phù hợp với thông lệ quốc tế là rất cần thiết.Thuế GTGT đã có những tác động tích cực đối với hoạt động kinh doanh của các công ty nói riêng và nhiều mặt của đời sống xã hội nói chung. Việc đưa ra phương pháp tính thuế GTGT đúng đắn là vô cùng quan trọng, nó đảm bảo lợi ích cho các đối tượng nộp thuế và giúp các công ty thuận tiện trong việc theo dõi được việc thanh toán với Ngân sách Nhà nước cũng như các đối tượng quan tâm khác.

Từ khi thuế GTGT được ban hành đã giúp cho việc đăng ký kê khai và thanh toán thuế của các công ty có nhiều thuận lợi hơn. Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định cần sớm khắc phục.

Trong phạm vi của bài luận văn này, em đã nêu và phân tích những nội dung chủ yếu về tình hình thực hiện thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại – Vận Tải – Du Lịch để trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp giúp cho việc thực hiện luật thuế của công ty được tôt hơn.

Do còn nhiều hạn chế về thời gian cũng như kiến thức nên bài luận văn của em không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế, em mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để đề tài thêm phong phú và có cơ hội trau dồi kiến thức cho bản thân.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các anh chị tại công ty TNHH Thương mại – Vận tải – Du lịch và đặc biệt là sự giúp đỡ nhiệt tình của T.S Trần Trọng Khoái đã giúp đỡ em hoàn thành bài luận văn tốt nghiệp của mình.